TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

-Thư ký phiên toà: Bà Đào Mai Anh - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Anh Đ, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên toà lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Anh Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Đến tháng 7 năm 2017, chị và anh Đ đến Uỷ ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh Đ ở thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ

chơi ma túy gây ảo giác, nghi ngờ dẫn đến chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Phạm Anh Đ có 01 con chung là Phạm Văn K, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016. Ly hôn do con chung dưới 36 tháng tuổi chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng, tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh Đ yêu cầu nuôi con chung chị không chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Anh Đ không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản lấy lời khai anh Đ trình bày:

Anhvà chị Lê Thị T chung sống trên cơ sở hai bên đều tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh ở thôn H, xã H, huyện A. Cho đến tháng 7 năm 2017 hai bên mới đến UBND xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 8 năm 2017 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T dấu anh nhiều chuyện không nói cho anh biết dẫn đến vợ chồng va chạm, cãi vã lẫn nhau. Bản thân anh đã nhiều lần nói chuyện với chị T nhưng chị T không nghe. Cũng từ đó hai bên đã sống ly thân chị T về ở với bố mẹ còn anh vẫn sống tại xã H. Trong thời gian hai bên ly thân anh đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được. Gia đình anh cũng đến gặp gia đình chị T nói chuyện nhưng chị T không đồng ý quay về chung sống đoàn tụ cùng với anh. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý đề nghị Tòa án hòa giải giúp đỡ hai bên đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị T có một con chung là Phạm Văn K, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016. Do anh không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về việc nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Anh và chị Lê Thị T trong quá trình chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tố tụng Dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định. Đối với nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, các tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu nhập đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào Điều 28, 70, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Anh Đ. Về con chung: Giao con chung Phạm Văn K, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ cho chị T, khi nào chị T có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ

án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của bị đơn anh Phạm Anh Đ : Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Lê Thị T và anh Phạm Anh Đ về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, đánh cãi nhau, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của hai bên

đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có quan điểm không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ, Tòa án đã nhiều lần báo anh Đ đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho anh Đ và chị T. Tuy nhiên, anh Đ vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt, không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị T vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, sự tin tưởng, thương yêu gắn bó với anh Đ, hôn nhân không có hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh Đ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Anh Đ.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Anh Đ đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Đ là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Anh Đ.

[3]Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Anh Đ có một con chung là Phạm Văn K, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị còn anh Đ không có quan điểm về việc nuôi con chung. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Hội đồng xét xử, xét thấy theo khoản 3 Điều 81của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con chung dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung của chị T đưa ra là có căn cứ nên chấp nhận, giao con chung Phạm Văn K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tại phiên tòa chị T có quan điểm, chị nuôi con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Xét quan điểm của chị T đưa ra là tự nguyện nên chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ cho chị T, khi nào chị T có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 70, 143, 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Anh Đ.

[2]. Về con chung: Giao con chung Phạm Văn K, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho chị Lê Thị T tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phạm Anh Đ cho chị Lê Thị T, khi nào chị T có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0007293 ngày 03 tháng 10 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi bị đơn đang cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Đỗ Văn Thư** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương